

Bản án số: 33/2018/HS-ST
Ngày 22- 5-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quốc Huy

Bà Đinh Thị Tin

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoa và ông Nguyễn Đình Long- Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Dương Văn D.** Tên gọi khác: Không, sinh năm 1991 tại: Thôn H, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn) 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Dương Văn L và bà Nguyễn Thị H; có vợ và 01 con;

Tiền án; tiền sự không;

Về nhân thân: Tại bản án số 05/2009/HSST ngày 25/02/2009 Dương Văn Dũng bị Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn xử phạt 6 năm tù về tội Cướp tài sản. Ngày 08/7/2014 D chấp hành xong hình phạt tù, ngày 05/9/2009 D thi hành án xong phần thi hành án dân sự của bản án.

Bị cáo bị tạm giam tại trại Tạm giam Kim Chi công an tỉnh Hải Dương từ ngày 30/3/2018 đến nay. Có mặt.

2. Họ và tên: **Trần Văn Đ.** Tên gọi khác: Không, sinh năm 1991 tại: thôn

Q, xã TS, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn Q, xã TS, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn) 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Trần Văn L và bà Vũ Thị L; không có vợ;

Tiền án; tiền sự không;

Bị cáo bị tạm giam tại trại Tạm giam Kim Chi công an tỉnh Hải Dương từ ngày 30/3/2018 đến nay. Có mặt.

- Người làm chứng:

+ Chị Đinh Thị H, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

+ Chị Hồ Thị P, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

+ Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La.

+ Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn Q, xã TS, huyện K, tỉnh Hải Dương

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1967

Địa chỉ: Tổ 3, Q, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng.

+ Anh Trần Văn N, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn Q, xã TS, huyện K, tỉnh Hải Dương

Đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 27/3/2018 Dương Văn D mua của một người đàn ông không rõ tên và địa chỉ ở khu vực bến phà Triều thuộc xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương 01 túi ma túy đá với giá 200.000 đồng. Sau đó D bỏ một ít ma túy mua được ra sử dụng, số còn lại D cất giấu ở trong người. Khoảng 8 giờ 30 phút ngày 28/3/2018 Trần Văn Đ gọi điện nhờ D mua hộ 01 túi ma túy đá. Khi nghe điện thoại của Đ, D có ý định bán túi ma túy mua được nêu trên cho Đ nên D đồng ý và điều khiển xe máy biển số 15B2- 925.19 do D mượn của anh Nguyễn Văn T sinh năm 1967; trú quán ở Q, H, quận H, thành phố Hải Phòng đi đến nhà Đ. Khi đi đến đoạn đường khu vực nghĩa trang thuộc thôn Q, xã TS, huyện K, tỉnh Hải Dương thì D gặp Đ đang điều khiển xe máy biển số 34B2- 805.48 do Đ mượn của anh Trần Văn N, sinh năm 1996 ở cùng thôn đi đến nhà D để mua ma túy. Khi gặp Đ, D đưa cho Đ túi ma túy, Đ cầm cất giấu vào trong người và nói:

“ Chưa có tiền đâu”. D trả lời: Thế lúc nào bạn đưa tôi 200.000 đồng cũng được. Buổi trưa cùng ngày Đ đi cùng 02 người bạn đến quán Chúc Anh Đài ở P, K, Hải Dương hát Karaoke. Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, khi Đ ở trong phòng hát của quán Chúc Anh Đài thì bị tổ công tác Công an huyện Kinh Môn kiểm tra, do hoảng sợ, Đ đã lấy 01 túi nilon chứa các tinh thể màu trắng từ trong túi quần đang mặc ném ra bàn. Lực lượng công an tiến hành thu giữ túi nilon nêu trên, Đ khai nhận đó là ma túy đá do Đ mua của D về sử dụng.

Tại bản kết luận giám định số 1745/KLGD- C54 ngày 06/4/2018 của Viện khoa học hình sự- Tổng cục cảnh sát kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng trong niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine; khối lượng mẫu 0.195 gam. Mẫu vật gửi giám định được hoàn lại trong bì thư niêm phong số 1745/C54.

Đối với 01 chiếc điện thoại D và Đ liên lạc dùng để trao đổi mua bán ma túy bị mất, đến nay cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Kinh Môn không thu hồi được.

Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKSKM ngày 7/5/2018, Viện kiểm sát nhân huyện Kinh Môn truy tố bị cáo Dương Văn D về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, Trần Văn Đ bị truy tố về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Dương Văn D và Trần Văn Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Dương Văn D phạm tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”; Trần Văn Đ phạm tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Dương Văn D từ 27- 30 tháng tù, thời hạn tính từ ngày 30/3/2018.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 12- 15 tháng tù, thời hạn tính từ ngày 30/3/2018.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu cho tiêu hủy số lượng ma túy hoàn lại sau giám định được niêm phong trong bì thư số 1745/C54 của Viện khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát.

Về án phí: Bị cáo Dương Văn D và Trần Văn Đ, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Dương Văn D và Trần Văn Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người làm chứng cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Vào sáng ngày 28/3/2018 tại khu vực nghĩa trang thuộc thôn Q, xã TS, huyện K, tỉnh Hải Dương, Dương Văn D đã có hành vi bán trái phép cho Trần Văn Đ 0.195 gam Methamphetamine về để Đ sử dụng. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày Đ đang hát karaoke tại quán cà phê Chúc Anh Đài tại thôn L, xã P, huyện Kinh Môn tỉnh Hải Dương, thì bị tổ công tác Công an huyện Kinh Môn kiểm tra thu giữ của Đ 01 gói tinh thể màu trắng. Đ khai là ma túy đã mua được của D vào buổi sáng.

Methamphetamine nằm trong danh mục II, STT 67 Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ ban hành các danh mục chất ma túy và tiền chất.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm trực tiếp đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, gây mất trật tự an ninh trên địa bàn nơi xảy ra tội phạm, là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm khác. Bị cáo D và Đ đều là người có đủ năng lực nhận thức về hành vi của mình nhưng D vì ham lợi nên đã bất chấp vi phạm pháp luật bán ma túy để lấy tiền tiêu sài cá nhân. Bản thân Đ cũng nhận thấy việc tàng trữ 0.195 gam

Methamphetamine để sử dụng cũng là trái với quy định của pháp luật. Do vậy hành vi của bị cáo D đã đủ yếu tố cấu thành tội “ Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo Đ cũng đủ yếu tố cấu thành tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy ” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn truy tố các bị cáo đối với tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tuy nhiên khi đánh giá hình phạt Hội đồng xét xử cũng cần xem xét đánh giá về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Bị cáo Dương Văn D là người có nhân thân xấu, năm 2006 bị cáo bị kết án về tội “ Cướp tài sản”. Mặc dù đến nay bị cáo đã được xóa án tích, xong bị cáo không lấy đó làm bài học để sửa chữa, rèn luyện mà lại tiếp tục đi vào con đường phạm tội. Đối với bị cáo Trần Văn Đ là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu.

[4]- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Tại quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo D và Đ đã khai nhận về hành vi của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*người phạm tội thành khẩn khai báo*” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Đ đã khai báo hành vi phạm tội của D nên được hưởng tình tiết “ *đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm*” theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015.

[7] Về vật chứng: Số lượng ma túy hoàn lại sau giám định là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu cho tiêu hủy phù hợp với quy định tại các điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Về án phí: Các bị cáo có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Điều Bộ luật tố tụng hình sự.

Trong vụ án này đối tượng bán ma túy cho D không xác định được là ai, ở đâu do đó cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Kinh Môn không đủ căn cứ

để xử lý.

Đối với anh Nguyễn Văn T và anh Trần Văn N khi cho D và Đ mượn xe máy, anh T và anh N không biết D và Đ sử dụng làm phương tiện đi mua bán chất ma túy nên cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Kinh Môn không đặt ra việc xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Dương Văn D phạm tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo Trần Văn Đ phạm tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt: Bị cáo Dương Văn D 28 (*hai mươi tám*) tháng tù, thời hạn tính từ ngày 30/3/2018.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt: Bị cáo Trần Văn Đ 13 (*mười ba*) tháng tù, thời hạn tính từ ngày 30/3/2018.

2. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu cho tiêu hủy số lượng ma túy hoàn lại sau giám định được niêm phong trong bì thư số 1745/C54 của Viện khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát.

(*Vật chứng trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kinh Môn quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kinh Môn với Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn*).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các bị cáo Dương Văn D và Trần Văn Đ, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Kinh Môn;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan điều tra- Công an huyện Kinh Môn;
- Trại tạm giam Kim Chi- Công an tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện Kinh Môn (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu: hồ sơ, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nguyệt